TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

NĂM HỌC 2019-2020

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 9

Phòng số: 1 **Tại phòng: 100**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Đề số	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900001	9A5	Đặng Hoàng An	09/09/2005						
2	900002	9A5	Ngô Quốc An	12/12/2005						
3	900003	9A2	Nguyễn Quốc An	12/11/2005						
4	900004	9A4	Trịnh Việt An	10/04/2005						
5	900005	9A5	An Nguyễn Tuệ Anh	23/10/2005						
6	900006	9A6	Bùi Phương Anh	07/02/2005						
7	900007	9A4	Chu Bá Anh	15/12/2005						
8	900008	9A2	Đàm Tiến Anh	09/09/2005						
9	900009	9A2	Đào Nguyễn Hải Anh	02/10/2005						
10	900010	9A6	Đặng Kim Anh	20/09/2005						
11	900011	9A4	Đặng Nam Anh	21/01/2005						
12	900012	9A5	Đặng Quỳnh Anh	28/11/2005						
13	900013	9A3	Đỗ Ngọc Quỳnh Anh	12/12/2005						
14	900014	9A2	Hoàng Châu Anh	13/02/2005						
15	900015	9A4	Lê Hiền Anh	04/05/2005						
16	900016	9A4	Nguyễn Đức Anh	18/02/2005						
17	900017	9A3	Nguyễn Hoàng Anh	12/05/2005						
18	900018	9A1	Nguyễn Ngọc Anh	07/09/2005						
19	900019	9A4	Nguyễn Phùng Duy Anh	25/04/2005						
20	900020	9A2	Nguyễn Phương Anh	29/12/2005						
21	900021	9A6	Nguyễn Quốc Anh	06/02/2005						
22	900022	9A4	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	10/08/2005						
23	900023	9A3	Phạm Hải Anh	22/08/2005						
24	900024	9A6	Phạm Minh Anh	15/01/2005						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

NĂM HỌC 2019-2020

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 9

Phòng số: 2 **Tại phòng: 103**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Đề số	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900025	9A6	Phạm Quỳnh Anh	06/03/2005						
2	900026	9A3	Phan Giang Việt Anh	06/06/2005						
3	900027	9A5	Phùng Nguyễn Đức Anh	07/09/2005						
4	900028	9A2	Trần Hoàng Anh	20/11/2005						
5	900029	9A6	Trần Phương Anh	13/11/2005						
6	900030	9A1	Trương Thảo Anh	29/03/2005						
7	900031	9A4	Nguyễn Hoàng Ân	28/01/2005						
8	900032	9A3	Đặng Quang Bách	04/08/2005						
9	900033	9A4	Bùi Gia Bảo	08/01/2005						
10	900034	9A1	Đỗ Đình Quốc Bảo	02/10/2005						
11	900035	9A5	Nguyễn Vũ Gia Bảo	26/07/2005						
12	900036	9A6	Phạm Gia Bảo	05/08/2005						
13	900037	9A1	Đỗ Thanh Bình	30/07/2005						
14	900038	9A2	Lê Đăng Thanh Bình	25/06/2005						
15	900039	9A5	Nguyễn Tuấn Bình	29/03/2005						
16	900040	9A4	Phạm Hải Bình	27/08/2005						
17	900041	9A1	Lê Nguyễn Lam Cầm	07/02/2005						
18	900042	9A1	Nguyễn Minh Châu	29/01/2005						
19	900043	9A4	Phạm Bảo Châu	05/07/2005						
20	900044	9A2	Phạm Thùy Châu	16/07/2005						
21	900045	9A4	Trần Minh Châu	21/10/2005						
22	900046	9A5	Hoàng Mai Chi	05/03/2005						
23	900047	9A1	Hoàng Phương Chi	18/05/2005						
24	900048	9A4	Nguyễn Linh Chi	08/01/2005						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

NĂM HỌC 2019-2020

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 9

Phòng số: 3 **Tại phòng: 105**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Đề số	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900049	9A5	Trần Linh Chi	23/09/2004						
2	900050	9A2	Trần Mai Chi	16/12/2005						
3	900051	9A5	Bùi Thành Công	04/04/2005						
4	900052	9A6	Bùi Thành Công	05/10/2005						
5	900053	9A1	Phan Quỳnh Diệp	15/04/2005						
6	900054	9A1	Bùi Anh Dũng	27/09/2005						
7	900055	9A4	Lê Tuấn Dũng	20/06/2005						
8	900056	9A4	Vũ Anh Dũng	08/04/2005						
9	900057	9A5	Nguyễn Phúc Hải Duy	18/05/2005						
10	900058	9A6	Nguyễn Quang Duy	27/09/2005						
11	900059	9A5	Vũ Thế Duy	02/10/2005						
12	900060	9A3	Trần Thùy Dương	26/12/2005						
13	900061	9A4	Điều Phước Đạt	15/07/2005						
14	900062	9A6	Đỗ Thành Đạt	17/04/2005						
15	900063	9A4	Ngô Thành Đạt	17/01/2005						
16	900064	9A6	Đường Hải Đăng	03/08/2005						
17	900065	9A4	Nguyễn Dược Đình	15/03/2005						
18	900066	9A1	Nguyễn Đình Minh Đức	15/05/2005						
19	900067	9A2	Nguyễn Huy Đức	24/09/2005						
20	900068	9A3	Nguyễn Trung Đức	31/08/2005						
21	900069	9A3	Nguyễn Tuấn Đức	19/06/2005						
22	900070	9A5	Nguyễn Tư Đức	12/10/2005						
23	900071	9A3	Phạm Gia Đức	02/02/2005						
24	900072	9A5	Cao Linh Giang	20/01/2005						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2019-2020

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 9

Phòng số: 4 **Tại phòng: 210**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Đề số	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900073	9A5	Đặng Thu Giang	30/08/2005						
2	900074	9A2	Đỗ Ngọc Giang	26/03/2005						
3	900075	9A1	Hoàng Trường Giang	10/05/2005						
4	900076	9A4	Nguyễn Hương Giang	16/08/2005						
5	900077	9A1	Trần Hương Giang	20/10/2005						
6	900078	9A4	Lê Trần Ngọc Hà	23/01/2005						
7	900079	9A6	Nguyễn Hoàng Trúc Hà	30/07/2005						
8	900080	9A1	Nguyễn Minh Hà	21/11/2005						
9	900081	9A3	Nguyễn Minh Hà	04/11/2005						
10	900082	9A2	Nguyễn Thanh Hà	06/12/2005						
11	900083	9A4	Phạm Thị Ngọc Hà	18/03/2005						
12	900084	9A1	Trần Thị Việt Hà	05/01/2005						
13	900085	9A6	Nguyễn Đức Hải	30/03/2005						
14	900086	9A6	Nguyễn Trung Hải	04/10/2005						
15	900087	9A4	Nguyễn Bích Hạnh	01/07/2005						
16	900088	9A4	Nguyễn Thanh Hằng	01/07/2005						
17	900089	9A4	Nguyễn Thị Minh Hằng	01/11/2005						
18	900090	9A2	Đỗ Thúy Hiền	14/05/2005						
19	900091	9A5	Hà Minh Hiền	25/01/2005						
20	900092	9A1	Nguyễn Lê Chí Hiếu	11/08/2005						
21	900093	9A2	Trần Đức Hiếu	26/12/2005						
22	900094	9A1	Nguyễn Việt Hoàn	23/03/2005						
23	900095	9A4	Đàm Duy Hoàng	31/12/2005						
24	900096	9A2	Đinh Vũ Hoàng	27/09/2005						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

NĂM HỌC 2019-2020

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 9

Phòng số: 5 **Tại phòng: 218**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Đề số	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900097	9A1	Phạm Minh Hoàng	17/05/2005						
2	900098	9A6	Trần Hữu Hoàng	13/12/2005						
3	900099	9A6	Vương Huy Hoàng	29/09/2005						
4	900100	9A4	Nguyễn Gia Huy	14/10/2005						
5	900101	9A3	Nguyễn Thành Huy	21/11/2005						
6	900102	9A1	Phạm Đức Huy	08/07/2005						
7	900103	9A3	Đoàn Minh Huyền	23/08/2005						
8	900104	9A3	Phạm Lê Khánh Huyền	10/05/2005						
9	900105	9A3	Phan Thanh Huyền	28/08/2005						
10	900106	9A5	Trần Ngọc Huyền	27/07/2005						
11	900107	9A3	Nguyễn Quang Hưng	20/10/2005						
12	900108	9A2	Nguyễn Xuân Hưng	17/09/2005						
13	900109	9A2	Phạm Nguyễn Thế Hưng	08/08/2005						
14	900110	9A6	Trần Đào Việt Hưng	09/07/2005						
15	900111	9A1	Bạch Ngọc Lan Hương	24/12/2005						
16	900112	9A4	Vũ Đồng Thu Hương	07/09/2005						
17	900113	9A5	Nguyễn Thị Ngọc Hường	24/02/2005						
18	900114	9A1	Đỗ Trọng Khải	22/08/2005						
19	900115	9A3	Đặng Ngọc Khánh	28/03/2005						
20	900116	9A6	Nguyễn Đăng Khánh	09/07/2005						
21	900117	9A2	Nguyễn An Khoa	13/05/2005						
22	900118	9A3	Đinh Huy Tuấn Khôi	18/10/2005						
23	900119	9A3	Nguyễn Ngọc Lam Khuê	08/07/2005						
24	900120	9A2	Ngô Trung Kiên	25/07/2005						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

NĂM HỌC 2019-2020

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 9

Phòng số: 6 **Tại phòng: 219**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Đề số	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900121	9A1	Tô Hữu Kỳ	08/07/2005						
2	900122	9A5	Dương Thùy Linh	16/08/2005						
3	900123	9A2	Đặng Thùy Linh	28/05/2005						
4	900124	9A6	Lê Gia Linh	23/10/2005						
5	900125	9A3	Lương Nhật Linh	23/10/2005						
6	900126	9A2	Ngô Vũ Gia Linh	19/12/2005						
7	900127	9A4	Nguyễn Cẩm Linh	11/05/2005						
8	900128	9A5	Nguyễn Hạnh Linh	18/07/2005						
9	900129	9A1	Nguyễn Khánh Linh	19/06/2005						
10	900130	9A1	Nguyễn Mỹ Linh	19/06/2005						
11	900131	9A5	Nguyễn Ngọc Linh	31/08/2005						
12	900132	9A6	Nguyễn Phương Linh	24/03/2005						
13	900133	9A6	Nguyễn Phương Hà Linh	13/10/2005						
14	900134	9A2	Nguyễn Thảo Đan Linh	15/11/2005						
15	900135	9A6	Nguyễn Thùy Linh	13/03/2005						
16	900136	9A6	Nguyễn Tố Linh	26/10/2005						
17	900137	9A1	Nguyễn Tú Linh	11/12/2005						
18	900138	9A2	Nguyễn Việt Phương Linh	06/07/2005						
19	900139	9A5	Nguyễn Vũ Gia Linh	26/07/2005						
20	900140	9A1	Phùng Phương Linh	09/12/2005						
21	900141	9A3	Vũ Khánh Linh	22/12/2005						
22	900142	9A6	Vũ Thảo Linh	09/01/2005						
23	900143	9A5	Vũ Thùy Linh	01/04/2005						
24	900144	9A5	Lê Nhật Long	25/11/2005						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2019-2020

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 9

Phòng số: 7 **Tại phòng: 301**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Đề số	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900145	9A5	Nguyễn Hải Long	30/08/2005						
2	900146	9A5	Nguyễn Hoành Long	13/10/2005						
3	900147	9A5	Phạm Vũ Hoàng Long	05/03/2005						
4	900148	9A6	Nguyễn Phương Ly	27/01/2005						
5	900149	9A3	Lê Chi Mai	04/04/2005						
6	900150	9A1	Phạm Ngọc Mai	27/08/2005						
7	900151	9A5	Đặng Đình Quang Minh	05/06/2005						
8	900152	9A2	Đỗ Tâm Minh	07/12/2005						
9	900153	9A6	Đỗ Tuệ Minh	19/09/2005						
10	900154	9A4	Hoàng Dương Song Minh	22/09/2005						
11	900155	9A6	Lê Hoàng Minh	15/06/2005						
12	900156	9A1	Lê Quang Minh	23/09/2005						
13	900157	9A6	Nguyễn Hoàng Minh	24/07/2005						
14	900158	9A2	Nguyễn Kim Minh	11/11/2005						
15	900159	9A5	Nguyễn Nguyệt Minh	04/02/2005						
16	900160	9A6	Nguyễn Nguyệt Minh	18/11/2005						
17	900161	9A3	Nguyễn Phan Nhật Minh	26/01/2005						
18	900162	9A3	Phạm Lê Minh	04/11/2005						
19	900163	9A2	Phạm Ngọc Bình Minh	04/07/2005						
20	900164	9A2	Thái Hồng Minh	30/10/2005						
21	900165	9A4	Trần Bình Minh	09/07/2005						
22	900166	9A5	Trần Ngọc Minh	21/07/2005						
23	900167	9A6	Trần Nhật Minh	12/10/2005						
24	900168	9A5	Trịnh Vũ Hiểu Minh	08/01/2005						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

NĂM HỌC 2019-2020

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 9

Phòng số: 8 **Tại phòng: 302**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Đề số	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900169	9A4	Vũ Hoàng Minh	05/10/2005						
2	900170	9A5	Vũ Nhật Minh	13/05/2005						
3	900171	9A2	Nguyễn Trà My	22/06/2005						
4	900172	9A3	Nguyễn Trà My	29/07/2005						
5	900173	9A6	Đinh Hải Nam	23/01/2005						
6	900174	9A1	Lê Quang Nam	14/01/2005						
7	900175	9A4	Phạm Hoàng Nam	17/03/2005						
8	900176	9A2	Trần Quỳnh Nga	03/05/2005						
9	900177	9A4	Hoàng Thị Kim Ngân	09/12/2005						
10	900178	9A5	Nguyễn Trần Thu Ngân	30/09/2005						
11	900179	9A6	Nguyễn Tường Thiên Ngân	04/09/2005						
12	900180	9A2	Nguyễn Xuân Ngân	07/03/2005						
13	900181	9A3	Nguyễn Trọng Nghĩa	08/05/2005						
14	900182	9A1	Nguyễn Khánh Ngọc	12/04/2005						
15	900183	9A3	Phùng Như Ngọc	12/09/2005						
16	900184	9A2	Võ Minh Ngọc	22/10/2005						
17	900185	9A6	Vũ Ánh Ngọc	23/05/2005						
18	900186	9A3	Trịnh Xuân Nguyên	07/09/2005						
19	900187	9A6	Vũ Đình Nguyên	21/02/2005						
20	900188	9A5	Lê Trọng Nhân	01/05/2005						
21	900189	9A6	Nguyễn Đức Nhẫn	08/04/2005						
22	900190	9A2	Nguyễn Trần Thống Nhất	19/01/2005						
23	900191	9A4	Nguyễn Thùy Nhi	30/07/2005						
24	900192	9A5	Phạm Nguyễn Quỳnh Nhi	04/07/2005						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

NĂM HỌC 2019-2020

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 9

Phòng số: 9 **Tại phòng: 303**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Đề số	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900193	9A3	Phùng Lê Lâm Nhi	20/06/2005						
2	900194	9A4	Trần Ngọc Yến Nhi	27/01/2005						
3	900195	9A6	Đỗ An Như	10/05/2005						
4	900196	9A3	Trần Quỳnh Như	06/10/2005						
5	900197	9A6	Nguyễn Đạt Phúc	25/04/2005						
6	900198	9A4	Phùng Đức Phúc	03/09/2005						
7	900199	9A3	Đỗ Lan Phương	28/03/2005						
8	900200	9A1	Nguyễn Mai Phương	24/11/2005						
9	900201	9A6	Nguyễn Minh Phương	02/01/2005						
10	900202	9A5	Trịnh Đức Phương	13/11/2005						
11	900203	9A5	Trịnh Hiểu Phương	11/04/2005						
12	900204	9A3	Trương Hà Phương	19/04/2005						
13	900205	9A1	Đỗ Đình Quang	16/03/2005						
14	900206	9A3	Lê Vũ Nhật Quang	25/03/2005						
15	900207	9A2	Nguyễn Huy Quang	13/05/2005						
16	900208	9A1	Nguyễn Minh Quang	22/04/2005						
17	900209	9A2	Nguyễn Minh Quang	11/09/2005						
18	900210	9A4	Vương Duy Quang	23/01/2005						
19	900211	9A4	Nguyễn Anh Quân	14/10/2005						
20	900212	9A1	Nguyễn Mạnh Quân	17/11/2005						
21	900213	9A5	Nguyễn Trần Hồng Quân	10/03/2005						
22	900214	9A6	Vũ Mạnh Quyền	16/04/2005						
23	900215	9A5	Phạm Nguyễn Thu Sang	11/10/2005						
24	900216	9A4	Công Nghĩa Nam Sơn	27/09/2005						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2019-2020

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 9

Phòng số: 10 **Tại phòng: 304**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Đề số	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900217	9A1	Dương Hải Sơn	31/08/2005						
2	900218	9A2	Dương Thái Sơn	09/11/2005						
3	900219	9A1	Lê Khánh Mạnh Sơn	17/03/2005						
4	900220	9A3	Ngô Duy Sơn	16/07/2005						
5	900221	9A4	Trần Nam Sơn	28/03/2005						
6	900222	9A3	Bùi Nam Thành	06/03/2005						
7	900223	9A5	Nguyễn Trường Thành	12/03/2005						
8	900224	9A2	Đặng Phương Thảo	18/06/2005						
9	900225	9A1	Lưu Phương Thảo	22/04/2005						
10	900226	9A6	Nguyễn Phương Thảo	03/06/2005						
11	900227	9A3	Nguyễn Khánh Thi	11/12/2005						
12	900228	9A5	Đặng Trần Anh Thư	25/03/2005						
13	900229	9A2	Phạm Minh Thư	10/05/2005						
14	900230	9A5	Lê Minh Thy	19/01/2005						
15	900231	9A4	Bùi Duy Tiến	14/10/2005						
16	900232	9A1	Nguyễn Hữu Toàn	02/01/2005						
17	900233	9A2	Phạm Hương Trà	07/04/2005						
18	900234	9A3	Cung Thùy Trang	08/09/2005						
19	900235	9A4	Đặng Thùy Trang	15/08/2005						
20	900236	9A3	Nguyễn Hà Trang	17/05/2005						
21	900237	9A4	Nguyễn Hà Trang	26/10/2005						
22	900238	9A6	Nguyễn Hoàng Thu Trang	25/02/2005						
23	900239	9A6	Nguyễn Kiều Trang	19/03/2005						
24	900240	9A6	Nguyễn Lê Thu Trang	23/05/2005						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2019-2020

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 9

Phòng số: 11 **Tại phòng: 314**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Đề số	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900241	9A4	Nguyễn Mai Trang	28/09/2005						
2	900242	9A1	Nguyễn Thị Thùy Trang	12/11/2005						
3	900243	9A3	Phạm Quỳnh Trang	17/04/2005						
4	900244	9A6	Từ Minh Trang	15/09/2005						
5	900245	9A1	Vũ Ngọc Thùy Trang	27/09/2005						
6	900246	9A1	Nguyễn Tố Trân	29/09/2005						
7	900247	9A1	Nguyễn Thành Trung	15/12/2005						
8	900248	9A5	Tạ Đình Trung	06/08/2005						
9	900249	9A3	Bùi Nguyễn Vân Trường	10/11/2005						
10	900250	9A5	Chu Anh Trường	17/08/2005						
11	900251	9A4	Ninh Duy Tuân	27/03/2005						
12	900252	9A2	Đường Xuân Anh Tuấn	12/10/2005						
13	900253	9A2	Nguyễn Sơn Tùng	20/06/2005						
14	900254	9A3	Nguyễn Bùi Thanh Vân	04/03/2005						
15	900255	9A3	Nguyễn Hà Vi	28/12/2005						
16	900256	9A3	Vũ Khánh Vi	10/06/2005						
17	900257	9A4	Đỗ Quốc Việt	09/01/2005						
18	900258	9A3	Trần Quốc Việt	02/09/2005						
19	900259	9A2	Nguyễn Liêm Vĩnh	28/02/2005						
20	900260	9A3	Trịnh Thiên Ý	12/09/2005						
21										
22										
23										
24										
25										